

CHƯƠNG IV. CÁC ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN QUỐC TẾ

Phần 1. Điều kiện tiền tệ và điều kiện thời gian thanh toán

I. Điều kiện tiền tệ

1. Đặc điểm về tình hình tiền tệ trong thanh toán và tín dụng quốc tế

- Hiện nay trên thế giới không có một chế độ tiền tệ thống nhất
- Thanh toán quốc tế trong thời đại ngày nay là thanh toán bằng đồng tiền quốc gia dựa trên cơ sở thỏa thuận
- Trên thế giới tồn tại 2 chế độ quản lý ngoại hối:

I. Điều kiện tiền tệ

2. Phân loại tiền tệ:

a. Căn cứ vào phạm vi sử dụng tiền tệ

- TIỀN TỆ THẾ GIỚI (WORLD CURRENCY): VÀNG

5 đặc điểm của vàng với tư cách là tiền tệ thế giới

- ❖ Không dùng vàng để thể hiện giá cả cũng như tính tổng giá trị hợp đồng
- ❖ Không dùng vàng để thanh toán các giao dịch phát sinh hàng ngày
- ❖ Tiền giấy không được đổi ra vàng một cách tự do
- ❖ Vàng là tiền tệ dự trữ của quốc gia
- ❖ Vàng chỉ được dùng làm tiền tệ chi trả giữa các nước khi mà không còn công cụ nào khác thay thế.

I. Điều kiện tiền tệ

- TIỀN TỆ QUỐC TẾ (INTERNATIONAL CURRENCY): USD, SDR, EURO, TRANSFERABLE ROUBLE

- ❖ Hiệp định tiền tệ Bretton Woods (1944-1971):
- ❖ Hiệp định tiền tệ Jamaica 1976:
- ❖ Hiệp định thanh toán bù trừ nhiều bên (giữa các nước thành viên khối SEV):
- ❖ Hiệp ước Maastricht (1992):

- TIỀN TỆ QUỐC GIA (NATIONAL MONEY): USD, GBP, JPY

I. Điều kiện tiền tệ

b. Căn cứ vào sự chuyển đổi của tiền tệ

- Tiền tệ tự do chuyển đổi (Free convertible currency)
- Tiền tệ chuyển khoản (Transferable currency)
- Tiền tệ thanh toán bù trừ (Clearing currency)

c. Căn cứ vào hình thái của tiền tệ

- Tiền mặt
- Tiền tín dụng

I. Điều kiện tiền tệ

d. Căn cứ vào mục đích sử dụng tiền tệ

- Tiền tệ tính toán (Account currency)
- Tiền tệ thanh toán (Payment currency)

➔ Nếu tiền tệ tính toán và tiền tệ thanh toán khác nhau thì quy định như thế nào?

I. Điều kiện tiền tệ

- Trong thực tiễn hoạt động ngoại thương việc lựa chọn đồng tiền để tính toán và thanh toán chủ yếu phụ thuộc vào:
 - Tập quán sử dụng tiền tệ trong thương mại và TTQT:
- Vị thế giữa các bên
- Vị thế của tiền tệ
- Tiền tệ hiệp định của các khối hoặc khu vực kinh tế
- Rủi ro tỷ giá đối với nhà XK có doanh thu là ngoại tệ và đối với nhà NK khi có khoản thanh toán bằng ngoại tệ => cần có các biện pháp quản trị rủi ro tỷ giá

Các biện pháp quản trị rủi ro tỷ giá

11/20/2014

Tài trợ thương mại quốc tế

8

I. Điều kiện tiền tệ

3. Đảm bảo hối đoái trong các hợp đồng ngoại thương

Đảm bảo hối đoái là những biện pháp mà người mua và người bán đề ra nhằm đảm bảo giá trị thực tế của các nguồn thu nhập khi đồng tiền có khả năng lên hoặc xuống giá

a. Dựa vào thị trường mua bán vàng quốc tế

Đồng tiền tính toán và đồng tiền thanh toán là một đồng tiền. Sau đó thống nhất giá vàng theo đồng tiền này dựa trên một thị trường nhất định

Cách này hiện nay ít được áp dụng

3. Đảm bảo hối đoái trong các hợp đồng ngoại thương

b. Dựa vào thị trường tiền tệ

Có 2 cách quy định

- Đồng tiền tính toán và đồng tiền thanh toán là 1 đồng tiền.
Đảm bảo hối đoái dựa vào tỷ giá của đồng tiền đó với 1 đồng tiền khác (đồng tiền đảm bảo) lúc ký kết và lúc thanh toán.

VD: Đồng tiền tính toán và thanh toán là EUR

Đồng tiền đảm bảo là USD và giá trị HD là 1 triệu EUR

Tỷ giá lúc ký kết hợp đồng là 1 USD=1EUR

Tỷ giá lúc thanh toán là 1 USD=1,2 EUR

→ Như vậy giá trị HD sẽ điều chỉnh là 1,2 triệu EUR

3. Đảm bảo hối đoái trong các hợp đồng ngoại thương

- Đồng tiền tính toán và đồng tiền thanh toán là 2 đồng tiền khác nhau. Chọn đồng tiền ổn định hơn và quy giá trị hợp đồng thanh toán ra đồng tiền đã chọn.

VD: Đồng tiền tính toán là USD

Đồng tiền thanh toán là EUR (ổn định hơn)

Giá trị hợp đồng là 1 triệu USD

Tỷ giá lúc thanh toán là 1 USD = 1,2 EUR

→ Số tiền phải trả là 1,2 triệu EUR

3. Đảm bảo hối đoái trong các hợp đồng ngoại thương

c. Đảm bảo hối đoái dựa vào rổ tiền tệ

- Lựa chọn các đồng tiền đưa vào rổ tiền tệ
- Thống nhất cách lấy tỷ giá hối đoái so với đồng tiền được đảm bảo vào thời điểm ký kết và thanh toán hợp đồng
- VD: Các ngoại tệ được đưa vào rổ: EUR, JPY, DEM, BEC. Đồng tiền đảm bảo là USD

3. Đảm bảo hối đoái trong các hợp đồng ngoại thương

► Tỷ lệ biến động giữa các ngoại tệ trong rổ và USD

Ngoại tệ	Ký kết	Thanh toán	Tỷ lệ biến động (%)
DEM	1,7515	1,7025	-2,8
EURO	4,9105	4,1515	-1,4
JPY	1,0595	1,0015	-5,47
BEC	25,2050	22,1525	-12,11
Tổng cả rổ tiền tệ	32,2265	29,0080	-21,78

3. Đảm bảo hối đoái trong các hợp đồng ngoại thương

a. Mức bình quân tỷ lệ biến động của rổ tiền tệ

$= -21,78/4 = -5,44 \rightarrow$ HĐ được điều chỉnh lên là 105,44%

b. Lấy quyền số

Bình quân TGHĐ của cả rổ tiền tệ lúc ký kết hợp đồng là: $= 32,2265/4 = 8,0566$

Bình quân TGHĐ của cả rổ tiền tệ lúc thanh toán HĐ $= 29,0080/4 = 7,2520$

Tỷ lệ biến động của bình quân TGHĐ cả rổ tiền tệ là:
 $100 * (7,2520/8,0566 * 100) = -9,98\%$

Hợp đồng được điều chỉnh là 109,98%

Các công cụ tài chính để phòng ngừa rủi ro hối đoái và rủi ro lãi suất

- Giao dịch kỳ hạn (Forward transactions)
- Giao dịch hoán đổi (Swap transactions)
- Giao dịch t-ong lai (Future transactions)
- Giao dịch quyền chọn (Option transactions)

II. Điều kiện thời gian thanh toán

- Điều kiện về thời gian thanh toán quy định thời điểm người nhập khẩu phải trả tiền cho người xuất khẩu
- Căn cứ vào thời điểm giao hàng (chuyển quyền sở hữu) có các thời hạn thanh toán như sau:
 - Thanh toán trả tiền trước (*advance payment*)
 - Thanh toán trả tiền ngay (*at sight payment*)
 - Thanh toán trả tiền sau (*deferred payment*)
 - Thanh toán hỗn hợp (*mix/combined payment*)

2.1. Thanh toán trả tiền trước

- ▶ Trả tiền trước là việc người mua hàng trả tiền toàn bộ hoặc từng phần giá trị hợp đồng trước khi giao hàng một số ngày nhất định, có thể vào một trong các thời điểm:

Trả tiền trước với mục đích cấp tín dụng cho người bán

Đặc điểm:

- ✦ Trả tiền trước khi giao hàng một thời gian dài (thường ngay sau khi ký hợp đồng hoặc sau ngày hợp đồng có hiệu lực)
- ✦ Số tiền trả tr-ớc lớn hay nhỏ phụ thuộc vào nhu cầu vay của ng-ời xuất khẩu và khả năng cấp tín dụng của ng-ời nhập khẩu.
- ✦ Lãi cho khoản tiền trả trước được khấu trừ vào giá hàng

Quy định trong hợp đồng:

Trả tiền trước với mục đích cấp tín dụng cho người bán

$$DP = \frac{PA \left\{ (1+r)^N - 1 \right\}}{Q}$$

DP: Chiết khấu giá **N:** Thời gian ứng tr-ớc (tháng, năm)
PA: Số tiền ứng tr-ớc **Q:** Khối l-ợng hàng hoá
r: Lãi suất ngân hàng

Ví dụ:

PA = 100.000USD (chiếm 20% tổng trị giá hợp đồng)
R = 5% / tháng
N = 5 tháng
Q = 1.000 tấn.

Ta có:

19

Tiền đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng

► **Đặc điểm:**

- Thời gian trả tiền trước ngày giao hàng ngắn (thường từ 10 – 15 ngày)
- Không tính lãi suất tín dụng vào số tiền trả trước
- Số tiền trả trước nhiều hay ít tùy theo một trong 2 trường hợp sau:
 - Hợp đồng được ký với giá hàng cao hơn giá thị trường tại thời điểm nhận hàng;
 - Người bán không tin tưởng vào khả năng thanh toán của người mua

Tiền đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng

Khi giá ký hợp đồng cao hơn giá thị trường

$$PA = Q (HP - MP)$$

PA: tiền ứng tr-ớc

Q: khối l-ợng hàng hoá

HP: giá ký kết trong hợp đồng

MP: giá bình quân trên thị tr-ờng

VD: Hợp đồng XK 1000 MT gạo trắng 35% tằm được ký với giá 480\$/MT FOB Hải Phòng. Trên thị trường gạo cùng loại giá 410\$/MT. Số tiền người bán yêu cầu người mua đặt cọc 10 ngày trước khi giao hàng là:

Tiền đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng

Khi người bán không tin tưởng vào khả năng thanh toán của người mua

$$PA = TA \{ (1 + r)^N - 1 \} + D$$

PA: Tiền ứng trCỡc r: lãi suất ngân hàng

TA: Tổng trị giá hợp đồng N: Thời hạn vay
D: Tiền phạt vi phạm hợp đồng

Ví dụ:

TA = 100.000 USD; N = 5 tháng

R = 5% tháng ; D = 6% tổng trị giá hợp đồng.

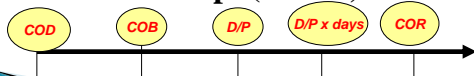
2.1. Thanh toán trả tiền trước

- ▶ Những rủi ro có thể phát sinh đối với người mua đã trả tiền ứng trước:

- ▶ Để khắc phục rủi ro: người mua yêu cầu có bảo lãnh của ngân hàng của người bán. Hình thức bảo lãnh:

2.2. Thanh toán trả tiền ngay

- ▶ **Cash on Delivery (C.O.D)**
- ▶ **Cash on board (C.O.B)**
- ▶ **At sight/Documents against payment (D/P)**
- ▶ **D/P x days**
- ▶ **Cash on receipt (C.O.R)**



Trả tiền ngay sau khi giao hàng không trên phương tiện vận tải – C.O.D

▶ NK trả tiền cho XK ngay sau khi XK giao hàng không trên phương tiện vận tải (named place) tại nơi giao hàng chỉ định

- Sau khi hoàn thành nghĩa vụ giao hàng, XK thông báo cho NK về các chứng từ nói trên và yêu cầu thanh toán ngay

• **Nơi giao hàng chỉ định:**

• **Bằng chứng giao hàng:**

Trả tiền ngay sau khi giao hàng trên phương tiện vận tải (C.O.B)

▶ NK trả tiền cho XK ngay sau khi XK giao hàng trên phương tiện vận tải tại nơi giao hàng chỉ định

- Thích hợp với phương thức vận tải biển, đối với các phương thức vận tải khác XK chỉ được phép giao hàng vào kho của người chuyên chở.

- **Bằng chứng giao hàng:**

Trả tiền ngay sau khi nhận chứng từ - D/P

- Người XK giao hàng
- Lập bộ chứng từ gửi hàng
- Chuyển chứng từ cho người NK
- Điều kiện để NK nhận bộ chứng từ:
 - Vô điều kiện:
 - Có điều kiện:

Trả tiền ngay sau khi nhận chứng từ - D/P x ngày

Lưu ý:

- Áp dụng cho các mặt hàng phức tạp về quy cách phẩm chất, chủng loại, đơn giá (lĩnh kiện điện tử, thuốc, hoá chất ...)
- Người NK nhận bộ chứng từ hàng hoá, trừ Shipping documents

Trả tiền ngay sau khi nhận hàng - Cash on receipt (C.O.R)

- ▶ C.O.R: NK trả tiền cho XK sau khi nhận được hàng tại nơi quy định hoặc tại cảng đến.
- ▶ Địa điểm nhận hàng:

2.3. Thanh toán trả tiền sau

- ▶ Trả tiền sau khi giao hàng x ngày:
- ▶ Trả tiền sau khi giao chứng từ x ngày:
- ▶ Trả tiền sau khi nhận hàng x ngày:

2.4. Thời gian thanh toán hỗn hợp

- ▶ Là tổng hợp của các điều kiện thanh toán trên
- ▶ Thường áp dụng cho hợp đồng XNK máy móc, thiết bị, kèm theo điều kiện lắp đặt, hướng dẫn vận hành, bảo hành ...
- ▶ VD: điều kiện thanh toán của một hợp đồng bán thiết bị như sau:

- Sau khi ký hợp đồng 30 ngày: TT 3% trị giá hợp đồng
- Trước ngày giao hàng lần thứ nhất 30 ngày: TT 7%
- Sau khi giao hàng đợt cuối: TT 5%
- Sau khi lắp đặt thiết bị xong 30 ngày, không quá 12 tháng kể từ ngày giao hàng đợt cuối: TT 5%
- Trong thời hạn 5 năm, mỗi năm số tiền bằng nhau: TT 80% tổng giá trị hợp đồng còn lại
